

Bản án số: 211/2018/HS-PT
Ngày: 07-11-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Quốc Chiến

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Trâm Anh

Ông Trần Bình Đảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 153/2018/TLPT-HS ngày 05 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo Từ Phúc T, Lâm Quốc Tr, Trần Quốc V do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm 31/2018/HS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Từ Phúc T, sinh năm 1982 tại: An Giang.

Nơi cư trú: Tổ 10, ấp S, TT H, huyện H, Kiên Giang; Trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Mua bán; con ông: Từ Phúc T và bà Dương Thị Th; anh, chị, em ruột có 03 người, nhỏ nhất sinh năm 1987 bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Vợ: Trần Thị Đ; sinh năm 1986, con 01 đứa sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2010 cho đến ngày 15/12/2010 thì được tại ngoại.

2. Họ và tên: Lâm Quốc Tr, sinh năm 1987 tại: Kiên Giang.

Nơi cư trú: Tổ 4, ấp S, TT H, huyện H, Kiên Giang; Trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: Tiếp thị nước sơn; con ông: Lâm L và bà Phùng Thanh S; anh, chị, em ruột có 05 người, lớn nhất sinh năm 1976 bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Vợ: Trần Thị Nh, sinh năm 1988, con 01 đứa sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/6/2010 đến ngày 07/12/2010 được tại ngoại.

3. Họ và tên: Trần Quốc V (T), sinh năm 1989 tại: Kiên Giang.

Nơi cư trú: Số 38 ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: Số 53B, đường L, tổ 1, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Nhân viên cơ sở đào tạo lái xe Đồng Bằng, hiện nay tài xế lái xe; con ông: Trần Ngọc L và bà Ngô Thị M; anh, chị, em ruột có 04 người, lớn nhất sinh năm 1976 bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; vợ: Trương Thị Tuyết M, sinh năm 1992, con 01 đứa sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/6/2010 đến ngày 02/12/2010 thì được tại ngoại.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2007 Trần Quốc V vào làm việc tại cơ sở đào tạo lái xe Đồng Bằng trụ sở đặt tại phường A, TP. R, tỉnh Kiên Giang. Công việc giao cho V là tiếp nhận hồ sơ đăng ký thi giấy phép lái xe hạng A1. Trong thời gian làm việc thì V quen Từ Phúc T và Lâm Quốc Tr vì (T và Tr làm dịch vụ dạy lý thuyết và bán hồ sơ đăng ký thi giấy phép lái xe hạng A1 cho những người có nhu cầu mua nhưng không cần đến trung tâm để học).

Khoảng tháng 6/2009, trong khi làm hồ sơ thì T đã vô ý dán nhầm ảnh của người này vào hồ sơ của người khác đăng ký dự thi, nên sau khi thi xong, thì T nhờ V lấy hồ sơ ra để thay đổi ảnh trong hồ sơ, V đồng ý lấy hồ sơ đưa cho T.

Thấy việc thay đổi ảnh trong hồ sơ đơn giản, nên T đã bàn bạc với V làm giả hồ sơ và mướn người thi hộ giấy phép lái xe hạng A1 để bán cho những người có nhu cầu mua. V đồng ý và rủ thêm Tr cùng thực hiện. Đến khoảng tháng 6/2009 T và Tr tìm những người có nhu cầu mua với những người thi nhiều lần nhưng không đậu để đặt vấn đề với họ. T và Tr làm toàn bộ hồ sơ, mướn người thi hộ giấy phép lái xe. Người mua giấy phép lái xe hạng A1 giá từ 1.400.000 đồng đến 1.600.000 đồng, chỉ cần đưa 06 tấm ảnh 2x3 và giấy chứng minh nhân dân đưa tiền cọc trước là 500.000 đồng đến 700.000 đồng, khi nào nhận được giấy phép lái xe thì giao đủ số tiền còn lại.

Khoảng tháng 6/2009 sau khi làm hồ sơ xong, Tr trực tiếp mướn những người thi giấy phép lái xe gồm: Ngô Tiết C, sinh năm 1990 ngụ tại số 23 Điện Biên Ph, phường V, Thành phố R, Kiên Giang, tại địa bàn huyện H, Tr trực tiếp gặp: Lê Hoài T ngụ tại tổ 3, khu phố S, TT H, huyện H và một số người khác không rõ tên, địa chỉ. Mỗi lần thi đậu Tr trả tiền thi hộ từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng.

Vào khoảng tháng 6/2009 tại huyện H, T trực tiếp mướn những người thi giấy phép lái xe gồm: Nguyễn Thị Kim Ch, sinh năm 1981 ngụ tại khu phố S, TT H, huyện H, Lê Duy Th, sinh năm 1969 ngụ khu phố S, TT H, huyện H; Nguyễn Thanh V, sinh năm 1985 ngụ khu phố Đ, TT H, huyện H; Võ Kiều Đ, sinh năm 1995 ngụ khu phố S, TT H, huyện H, Tạ Văn T, sinh năm 1970 ngụ khu phố S, TT H, huyện H, mỗi lần thi đậu T trả tiền thi hộ từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng.

Tr và T làm hồ sơ nộp cho cơ sở lái xe Đồng Bằng, sau đó cơ sở lái xe Đồng Bằng nộp hồ sơ lại cho sở Giao thông vận tải tỉnh Kiên Giang kiểm duyệt và chuyển về cho cơ sở lái xe Đồng Bằng, thì V lấy các hồ sơ mà Tr và T nhận làm giấy phép lái xe để bán cùng T và Tr mang về nhà trọ số 473/11 Đặng Trần C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang và nhà trọ Hoàng M tại hẻm 466 phường V, Thành phố R, tháo ảnh của những người mua giấy phép lái xe ra và thay ảnh của những người thi hộ vào. Do ảnh có đóng dấu giáp lai của Sở giao thông vận tải tỉnh Kiên Giang, nên Tr và T dùng nắp chai có kích thước bằng con dấu của Sở giao thông bôi mực đỏ và in vào phần thiếu dấu giáp lai của ảnh, lấy giấy chứng minh nhân dân photo của người mua dán ảnh của người thi hộ vào hồ sơ, sau khi thay xong Tr và T đưa toàn bộ hồ sơ lại cho V đưa về cơ sở lái xe Đồng Bằng. Khi thi đậu thì V lấy những hồ sơ về nhà trọ cùng T và Tr thay đổi ảnh của những người mua vào hồ sơ.

Sau một thời gian V, Tr và T thay đổi cách làm, lấy ảnh của người thi hộ dán ảnh vào hồ sơ của những người mua, lấy giấy chứng minh nhân dân photo của người mua dán ảnh vào giấy người thi hộ vào hồ sơ và nộp cho cơ sở đào tạo lái xe Đồng Bằng, khi có kết quả đậu V lấy những hồ sơ đem về nhà trọ cùng Tr và T dùng nắp chai nước ngọt kích cỡ bằng dấu giáp lai bôi mực để làm giả dấu giáp lai trên ảnh mới thay vào, còn giấy chứng minh nhân dân, T và Tr photo giấy chứng minh nhân dân của người mua để vào hồ sơ. Sau đó, V trả hồ sơ lại chỗ cũ để Hội đồng chấm thi mang hồ sơ về sở giao thông vận tải ký cấp giấy phép lái xe và trả lại cho cơ sở lái xe Đồng Bằng. Khi có giấy phép lái xe, V nhận đưa cho Tr, thì Tr mang toàn bộ giấy phép lái xe về nhà tại khu phố S, thị trấn H, huyện H, để ép nhựa dẻo, sau đó mới giao cho người mua và lấy hết số tiền mà người mua còn thiếu. Mỗi giấy phép lái xe, Tr và T chia cho V từ 500.000 đồng đến 600.000 đồng, trả cho người mượn 200.000 đồng đến 300.000 đồng, tiền mua hồ sơ và khám sức khỏe 200.000 đồng, còn lại Tr và T hưởng lợi từ 500.000 đồng đến 600.000 đồng trên mỗi giấy phép lái xe mô tô. Những hồ sơ do Tr tìm được do Tr trực tiếp thay ảnh trong hồ sơ có khi làm ở nhà trọ 473/11 Đặng Trần C, phường V, TP. R, tỉnh Kiên Giang hoặc Tr làm tại nhà thuộc ấp S, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang, còn các hồ sơ do T và V thì làm tại nhà trọ 473/11 Đặng Trần C, phường V, TP. R, tỉnh Kiên Giang.

Do nhiều lần thi không đậu nên anh Đoàn Hồng Ch, sinh năm 1989 ngụ tại xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang được anh H chạy xe ôm (không rõ họ tên và địa chỉ) giới thiệu gặp Tr, Ch nhờ Tr làm một giấy phép lái xe hạng A1, Tr đồng ý và ra giá 1.800.000 đồng, Anh Ch đưa trước 500.000 đồng, khi có giấy phép lái xe đưa hết số tiền còn lại, anh Ch đồng ý, Tr hẹn anh Ch sáng ngày 26/6/2010 gặp nhau tại quán cà phê ở đường N, thành phố R để đưa tiền, ảnh và đưa cho Tr 500.000 đồng cùng ảnh và giấy chứng minh nhân dân cho Tr thì bị lực lượng Công an tỉnh Kiên Giang bắt quả tang.

Trong quá trình điều tra Lâm Quốc Tr khai nhận từ tháng 6/2010 đến ngày bị bắt, tại Thị trấn H, Tr trực tiếp giao dịch, nhận ảnh, giấy chứng minh nhân dân, sau đó làm hồ sơ mượn người thi và đã giao giấy phép lái xe cho những người có địa chỉ ở Hòn Đ có 04 người cụ thể như sau: Anh Vũ Văn B,

sinh năm 1978 thường trú tại khu phố Đ, thị trấn H, huyện H, Kiên Giang; anh Trần Văn H, sinh năm 1978 ngụ: ấp Hiệp L, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Anh Trần Hoàng Đ, sinh năm 1985 ngụ: khu phố Ch, thị trấn H, huyện H. Anh Dương Chí T, sinh năm 1978 ngụ: ấp Vàm R, xã B, huyện H, Kiên Giang, còn 01 hồ sơ anh Trần Anh T, sinh năm 1984 thường trú tại xã V, huyện Ch, tỉnh Kiên Giang.

Tại Hòn Đ, mỗi giấy phép lái xe Tr thu của người mua từ 1.500.000 đồng đến 1.700.000 đồng, nộp tiền khám sức khỏe 200.000 đồng, tiền thuê người thi hộ từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng. Đưa cho V từ 500.000 đồng đến 600.000 đồng, Tr còn lại 400.000 đồng đến 500.000 đồng mỗi giấy phép lái xe. Tổng số tiền mà Tr thu lợi bất chính 2.500.000 đồng.

Sau khi nhận giấy phép lái xe từ V giao thì Tr dùng máy ép nhựa, ép lại tại nhà Tr tại số 124 tổ 4 khu phố S thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang, sau đó mới đem giao cho người mua.

Từ phúc T từ tháng 6/2009 đến ngày bị bắt T cùng V làm 01 giấy phép lái xe cho ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1949 thường trú tại Pháo Đ, thị xã H, Kiên Giang, đã giao và lấy tiền đủ 01 giấy phép lái xe là 1.500.000 đồng thu lợi bất chính 500.000 đồng. Cơ quan điều tra xác minh thu hồi được 01 giấy phép lái xe giả do T cùng V làm.

Trong số tiền nhận từ ông H thì T trả tiền khám sức khỏe 200.000 đồng và thuê người thi hộ từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, đưa cho V 500.000 đồng. T còn lại 500.000 đồng mỗi giấy phép lái xe, tổng số tiền mà T thu lợi bất chính là 500.000 đồng.

Trần Quốc V khai nhận từ tháng 6/2009 đến ngày bị bắt, V cùng với Tr và T làm giả 06 giấy phép lái xe trong đó làm với Tr 05 giấy phép lái xe, làm với T 01 giấy phép lái xe, theo quy định mỗi giấy phép lái xe Tr và T trả cho V từ 500.000 đồng, số tiền T và Tr đưa cho V 2.500.000 đồng.

Đối với những người thi hộ gồm: Ngô Tiết C, Lê Hoài T, Nguyễn Thị Kim Ch, Lê Duy Th, Nguyễn Thanh V, Võ Kiều Đ và Tạ Văn T là những người thi hộ không biết Tr và T làm giả hồ sơ thi giấy phép lái xe. Hành vi thi hộ của C, T, Ch, Th, V, D và T là vi phạm pháp luật nhưng chưa tới mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất ra Quyết định giao về cho địa phương quản lý, giáo dục.

Tại bản kết luận giám định số 316/KL-KTHS ngày 12/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận:

- Một phần hình dấu tròn đóng giáp lai trên ảnh, trên tài liệu cần giám định, (ký hiệu A 1 đến A 6) so với hình dấu tròn với nội dung “SỔ GIAO THÔNG VẬN TẢI – TỈNH KIÊN GIANG - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) là không phải cùng một con dấu đóng ra.

- Về vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, cơ quan điều tra công an huyện Hòn Đất thu giữ được:

- 03 Đầu CPU đã qua sử dụng.
- 03 máy ép nhựa đã qua sử dụng.
- 02 thùng giấy carton đựng hồ sơ đã mở niêm phong.
- 01 hộp giấy carton màu xám có dán niêm phong có ghi hàng chữ “Đây là dụng cụ làm giấy phép lái xe giả của tôi” có chữ ký của Lâm Quốc Tr.
- 06 Hồ sơ lái xe mang tên: Trần Anh T, Trần Văn H, Dương Trí T, Trần Hoàng Đ; Vũ Văn B; Huỳnh Văn H.
- 05 tờ tiền Việt Nam đồng, giấy Polime mệnh giá 100.000 đồng đã nộp vào kho bạc Nhà nước huyện Hòn Đất.
- 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Đoàn Hồng Ch.
- 05 tấm ảnh 3 x4 của Đoàn Hồng Ch (kèm theo hồ sơ).

Ngày 18/10/2014 cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Hòn Đất trả 01 thùng giấy carton đựng hồ sơ cho Từ Phúc T và 01 thùng giấy carton đựng hồ sơ cho Lâm Quốc Tr.

Ngày 21/11/2016 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất tiến hành mở niêm phong hộp giấy carton còn nguyên vẹn và nhập kho vật chứng gồm:

- 02 giấy viết bi mực đỏ (thân viết màu trắng sữa, một cây có nắp đậy màu trắng, 01 cây có nắp đậy màu đỏ).
- 01 chai mực đỏ (mực đóng dấu), hiệu HS.
- 01 cây kéo cán màu vàng, lưỡi kéo bằng inox.
- 03 nắp chai, 01 nắp màu xanh lá, 01 nắp màu trắng sữa, 01 nắp nhựa trong suốt.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại không yêu cầu bồi thường gì.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 31/2018/HSST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo **Từ Phúc T, Trần Quốc V, Lâm Quốc Tr** cùng phạm tội: “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng: Điểm a, b khoản 02 Điều 267; điểm p, g khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 47; điều 33 Bộ luật Hình sự 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử Phạt: Bị cáo **Từ Phúc T 01** (một) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt thụ hình. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 26/6/2010 đến ngày 15/12/2010.

Xử Phạt: Bị cáo **Trần Quốc V 11** (Mười một) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt thụ hình. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 26/6/2010 đến ngày 02/12/2010.

Xử Phạt: Bị cáo **Lâm Quốc Tr 11** (mười một) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt thụ hình. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 26/6/2010 đến ngày 07/12/2010.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/7/2018 các bị cáo Từ Phúc T, Lâm Quốc Tr và Trần Quốc V có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, các bị cáo Từ Phúc T, Lâm Quốc Tr và Trần Quốc V thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đã xét xử các bị cáo về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a, b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng tội và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo. Xử phạt bị cáo T 09 tháng tù, bị cáo Tr 06 tháng tù, bị cáo V 06 tháng tù.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo Từ Phúc T, Lâm Quốc Tr và Trần Quốc V về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về Quyết định của bản án sơ thẩm:

Vào khoảng tháng 6 năm 2009, tại địa bàn huyện H và cơ sở lái xe Đồng Bằng tại phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, Từ Phúc T, Trần Quốc V và Lâm Quốc Tr đã làm giả hồ sơ thi Giấy phép lái xe hạng A1, tổng cộng khoảng 06 giấy phép lái xe, mỗi giấy phép lái xe giá 1.500.000 đồng. Tổng cộng tiền Tr, T và V nhận làm giả hồ sơ giấy phép lái xe giả là 9.000.000 đồng, số tiền trên Tr, T nộp tiền khám sức khỏe 200.000 đồng và thuê người thi hộ từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, số tiền còn lại Tr, T và V chia nhau mỗi người 500.000 đồng. Như vậy tiền thu lợi bất chính của T là 500.000 đồng, V thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng và Tr thu lợi bất chính là 2.500.000 đồng. Hành vi của các bị cáo là có sự bàn tính, có phân công nhiệm vụ rõ ràng để thực hiện hành vi phạm tội

và thực hiện làm giả 06 giấy phép lái xe nên bản án sơ thẩm đã áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xét xử các bị cáo về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, bản án sơ thẩm xác định ông Trần Hoàng Đ, ông Đoàn Hồng Ch người bị hại là không đúng quy định của pháp luật, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Bởi vì, khách thể của tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” là xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý giấy tờ, tài liệu, con dấu....

[3] Về yêu cầu kháng cáo của các bị cáo:

Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho các bị cáo đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, mức án mà tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc, các bị cáo thu lợi bất chính không lớn, rất ăn năn hối cải và đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Vì vậy, cấp phúc thẩm xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt, để các bị cáo sớm có cơ hội trở về với gia đình và xã hội.

[4] Về quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát:

Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí:

Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng: Điểm a, b khoản 2 Điều 267; điểm p, g khoản 1 khoản 2 Điều 46, Điều 47; Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Bị cáo **Từ Phúc T 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt thụ hình. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 26/6/2010 đến ngày 15/12/2010.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Quốc V 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt thụ hình. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 26/6/2010 đến ngày 02/12/2010.

Xử phạt: Bị cáo **Lâm Quốc Tr 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt thụ hình. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 26/6/2010 đến ngày 07/12/2010.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 31/2018/HS-ST ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra I (1);
- VKSND cấp cao tại TPHCM (1);
- TAND cấp cao tại TPHCM (1).
- VKSND tỉnh (1);
- Sở tư pháp tỉnh (1);
- Cơ quan cảnh sát điều tra CA tỉnh (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh (1);
- Trại tạm giam KG (2);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- TAND huyện (1);
- THADS huyện (1);
- Viện kiểm sát huyện (1);
- Cơ quan cảnh sát điều tra CA huyện (1);
- Cơ quan thi hành án Hình sự CA huyện (1);
- Bị cáo (1).
- Lưu (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Quốc Chiến